

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 175A /2021/HNGĐ-ST

Ngày: 16-7 - 2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH T**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Hồng Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Phương

2. Bà Lê Thị Lập

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh T tham gia phiên tòa: Ông Phạm Xuân Long - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 92/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2021 về "tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2021/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Diệu L, sinh năm 1990, cư trú tại: Số nhà 133, khu P, phường P, thị xã P, tỉnh B; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Phạm Xuân M, sinh năm 1994, nơi ĐKKHKT: Khu phố P, thị trấn L, huyện T, tỉnh T; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07 tháng 4 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Trần Thị Diệu L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh M qua tìm hiểu, tự nguyện lấy nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X (nay là thị trấn L), huyện T, T vào ngày 18/10/2017. Sau khi kết hôn, thời gian đầu tình cảm vợ chồng

hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 01 năm. Sau đó từ khoảng tháng 5/2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và ly thân từ đó cho đến nay. Nguyên nhân chính là do tính tình không hợp. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với anh Phạm Xuân M.

Về con chung: Chị L trình bày vợ chồng có 01 con chung, là Phạm Minh Q, sinh ngày 15/11/2017, hiện nay cháu Q đang ở với chị, ly hôn nguyện vọng của chị là xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ: Chị L xác định vợ chồng không có gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 16/6/2021 bị đơn là anh Phạm Xuân M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh M xác nhận việc vợ chồng kết hôn là do hai bên tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X (nay là thị trấn L) huyện T, T vào ngày 18/10/2017 . Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc được hơn 1 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp. Do đó, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2019 đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng không còn quan tâm, liên hệ với nhau. Nay chị L làm đơn xin ly hôn thì anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đồng ý ly hôn ly hôn.

Về con chung: Anh M xác định vợ chồng có 01 con chung, cháu tên là Phạm Minh Q, sinh ngày 15/11/2017, hiện nay cháu Q đang ở với chị Lan, anh đồng ý giao cháu Quân cho chị Lan trực tiếp nuôi dưỡng cháu Quân và anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ: Anh M xác định vợ chồng tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 15/4/2021, đại diện Ủy ban nhân dân thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân cho biết: anh Phạm Xuân Minh, nơi ĐKKHTT: khu phố Phúc Lâm, thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hóa, Anh M và chị Lan có đăng ký kết hôn ngày 18/10/2017 tại UBND xã Xuân Lam (nay là thị trấn Lam Sơn), huyện Thọ Xuân. Vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Minh Q, sinh ngày 15/11/2017.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 55; Điều 57; Điều 58; Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị Diệu L được ly hôn với anh Phạm Xuân M.

Về con chung: Giao 01 con chung của vợ chồng là cháu Phạm Minh Q cho chị Trần Thị Diệu L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản: không xem xét.

Về án phí: chị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Chị L, Anh M có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Trần Thị Diệu L khởi kiện đề nghị giải quyết xin được ly hôn với anh Phạm Xuân M, nơi ĐKKHTT: khu phố Phúc Lâm, thị trấn L, huyện T. Hiện cư trú tại: khu phố P, thị trấn L, huyện T, tỉnh T. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn; bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Diệu L và anh Phạm Xuân M tự nguyện kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã X (nay là thị trấn L), huyện T cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 18/10/2017, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa chị L và Anh M là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng chỉ thực sự hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 01 năm thì đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng trong sinh hoạt gia đình, tính tình vợ chồng không hợp. Đến khoảng tháng 5 năm 2019 mâu thuẫn trở nên trầm trọng và vợ chồng đã sống ly thân đến nay không còn quan tâm, qua lại với nhau. Quá trình giải quyết vụ án, chị Lan nhất quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn; còn Anh M cũng đồng ý ly hôn đối với chị L và giành quyền trực tiếp nuôi con cho chị Lan và anh không cấp dưỡng nuôi con.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa chị L và Anh M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân đã không đạt được, nên căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị L, chấp nhận cho chị

Trần Thị Diệu L được ly hôn với anh Phạm Xuân M.

[3] Về con chung: chị Trần Thị Diệu L xác định vợ chồng có 01 con chung tên là Phạm Minh Q, sinh ngày 15/11/2017 hiện nay cháu Q đang ở với chị L, chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Minh Q và không yêu cầu Anh M cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

[4] Về phân tài sản và công nợ: chị Trần Thị Diệu L và anh Phạm Xuân M đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không xem xét.

[5] Về án phí: chị Trần Thị Diệu L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 57; Điều 58; Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị Diệu L được ly hôn với anh Phạm Xuân M

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Minh Q, sinh ngày 15/11/2017 cho chị Trần Thị Diệu L trực tiếp chăm sóc giáo dục, anh Phạm Xuân M không phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng. Anh M có quyền đi lại chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản và công nợ: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Diệu L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị L đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0006408 ngày 07/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân, tỉnh T. Chị Trần Thị Diệu L đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30

Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thọ X;
- Chi cục THADS huyện T;
- P. kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh T;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn L;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Cao Hồng Đức